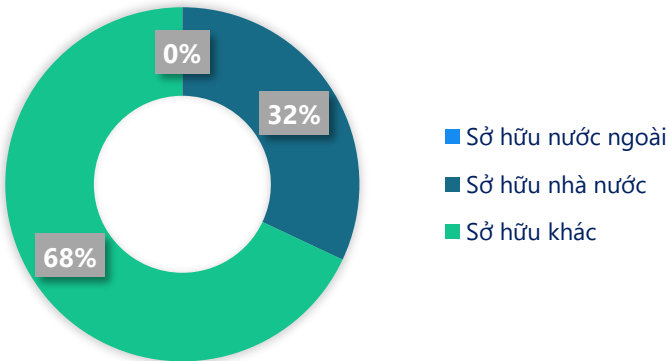


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		5,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		5,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		3,500
SL cổ phiếu LH		15,600,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		235
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		87
P/E		45.6
EPS		123

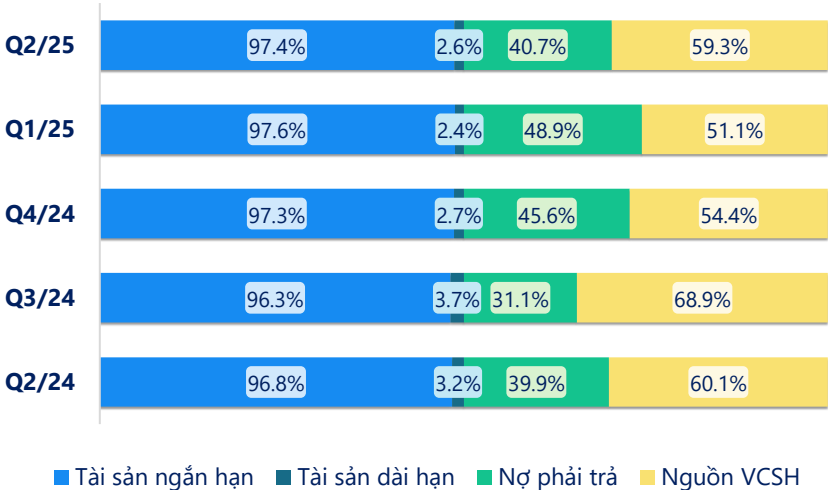
	YTD	1T	3T	6T
VTE	1.8%	40.0%	60.0%	-3.4%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu sở hữu



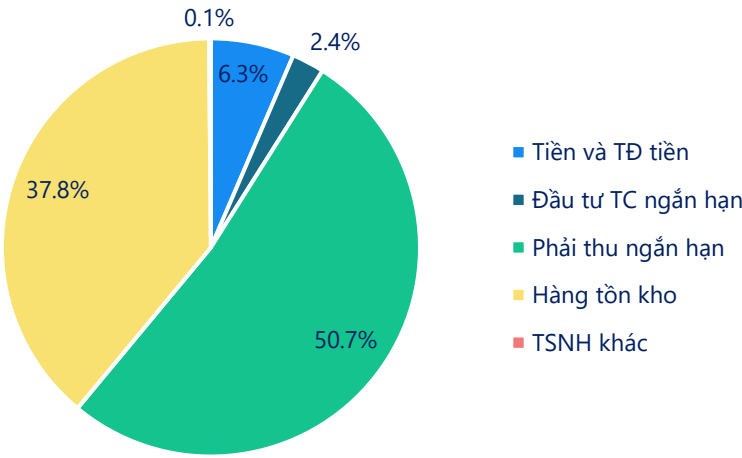
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



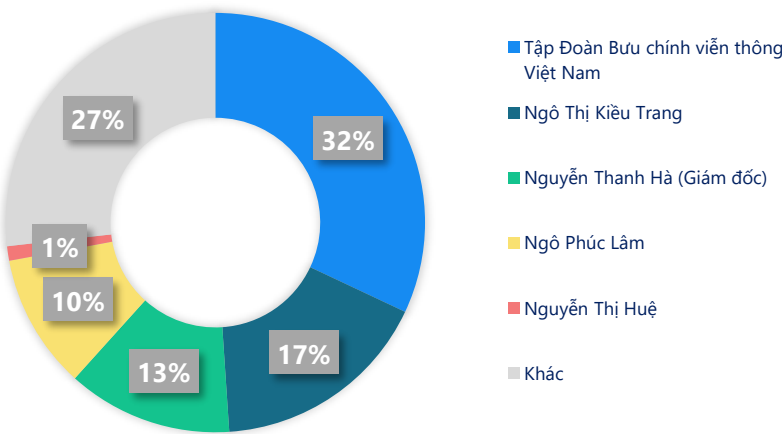
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



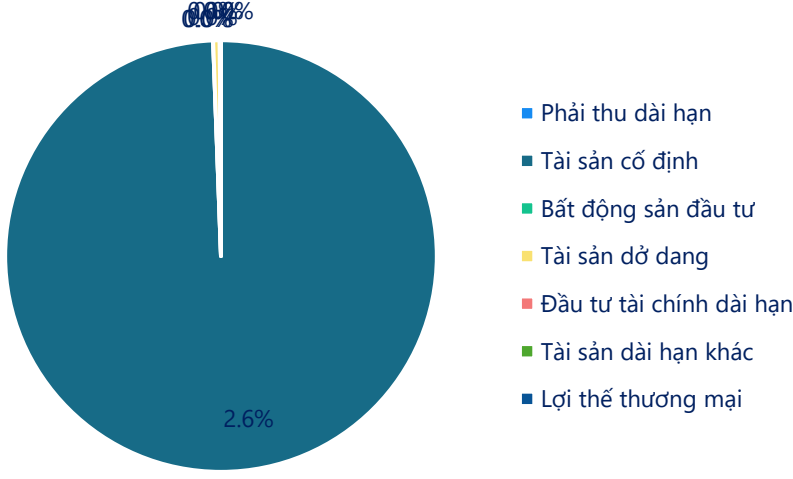
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông

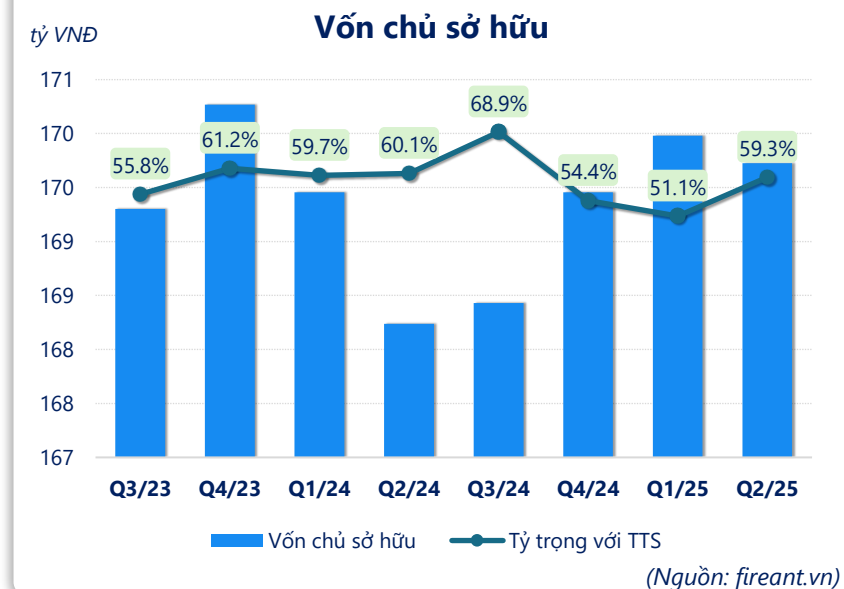
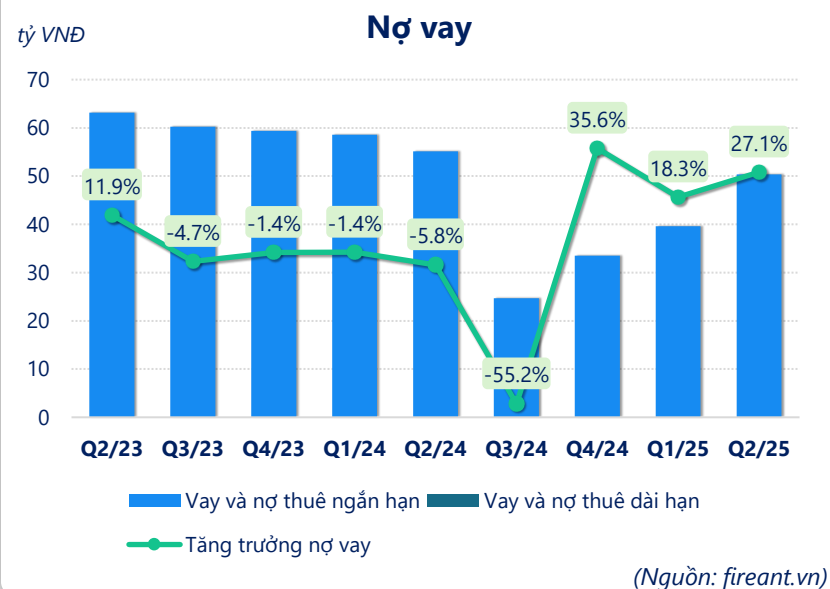
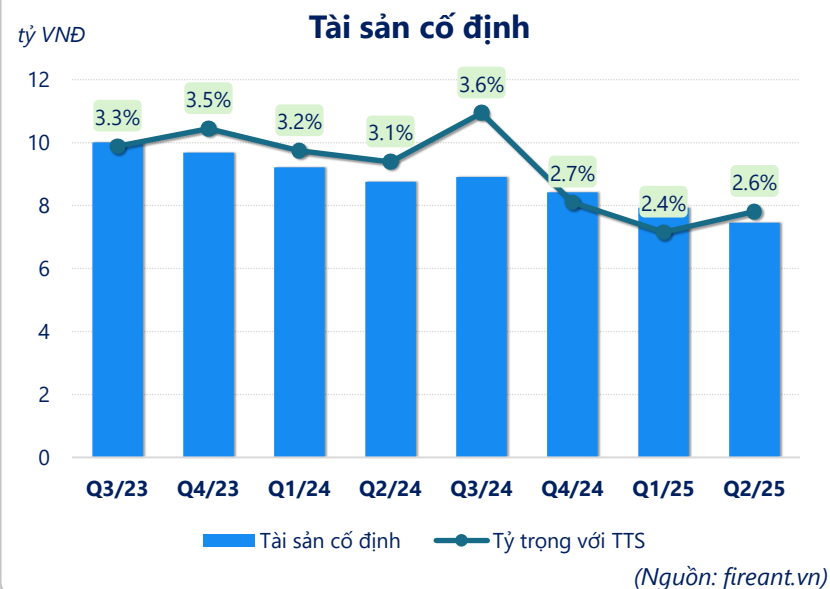
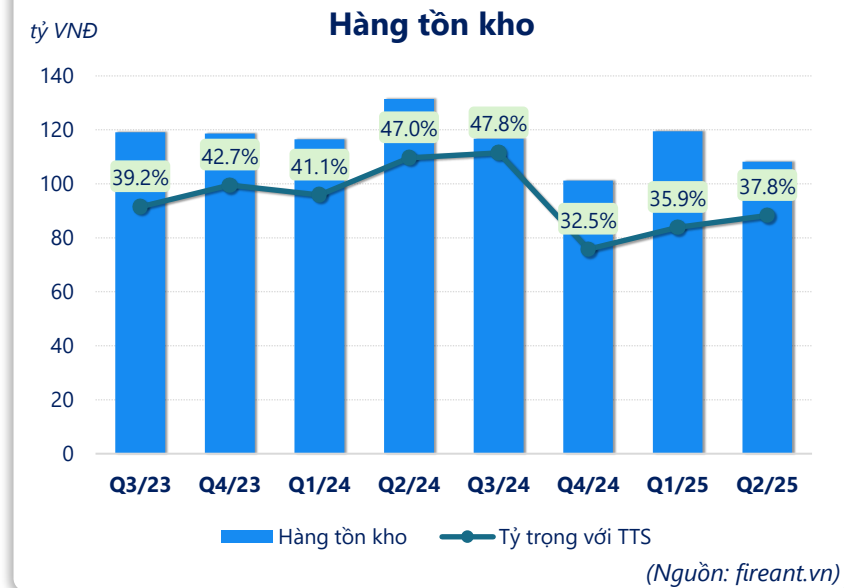
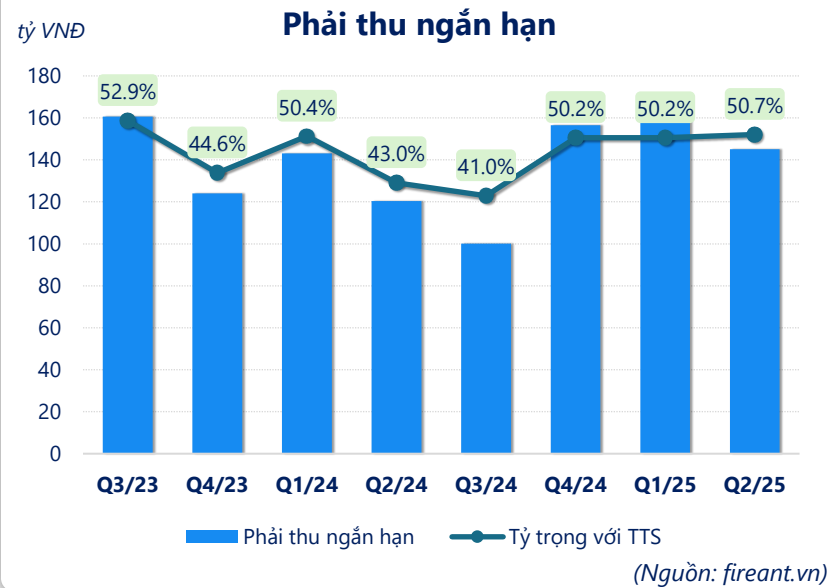
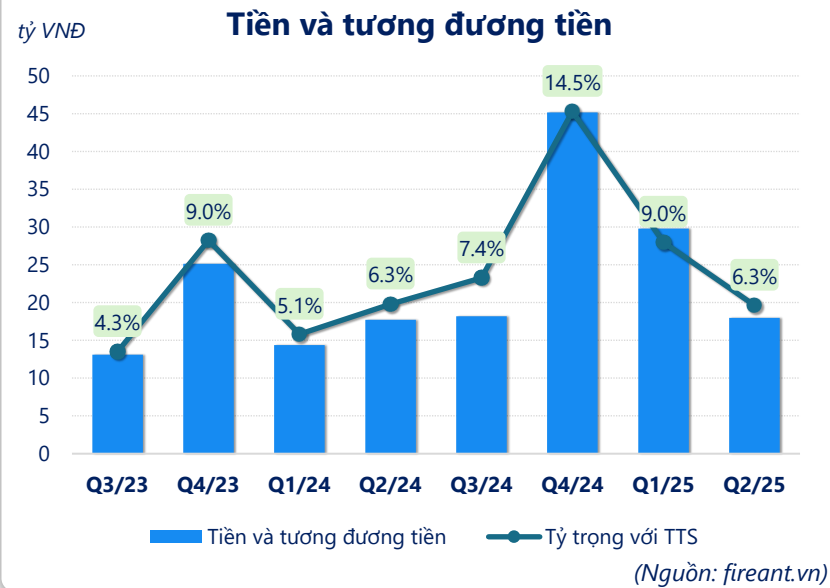


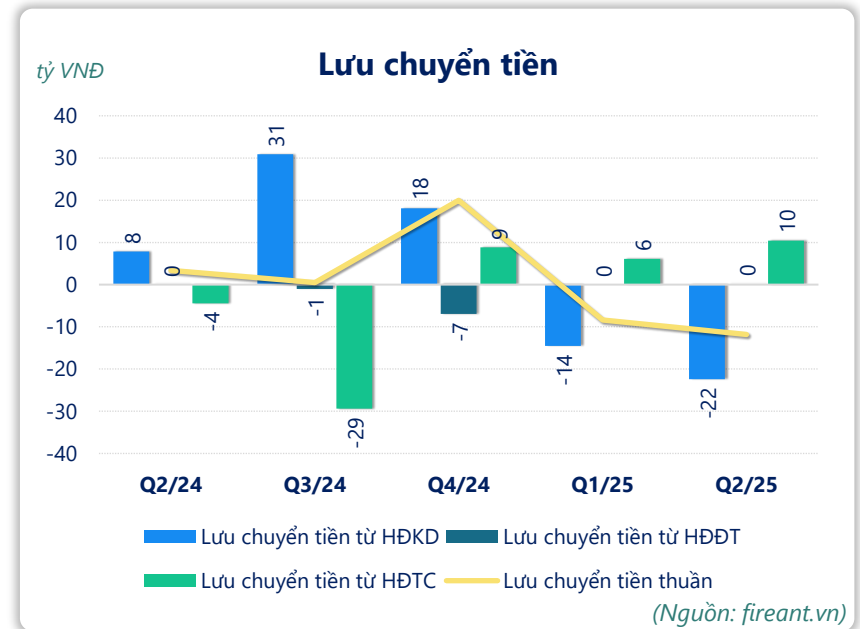
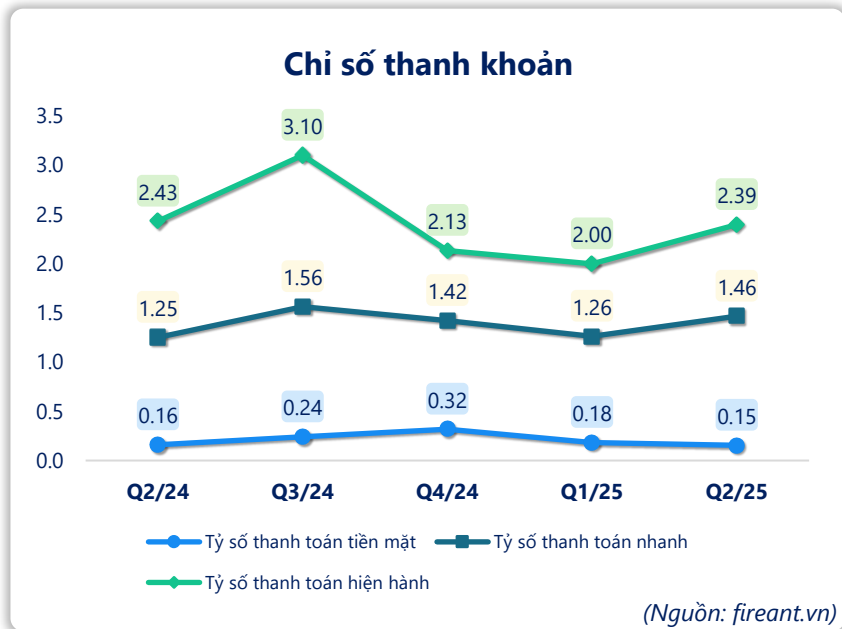
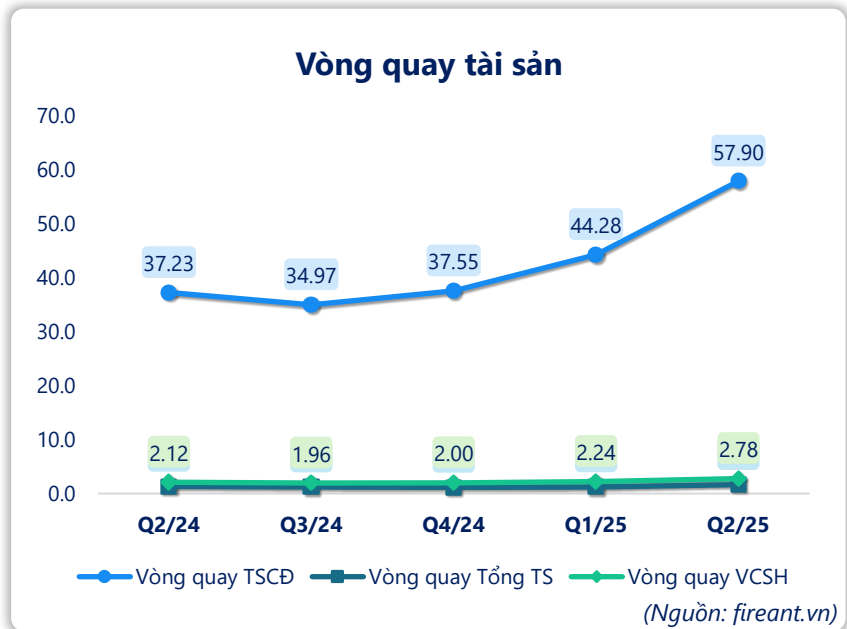
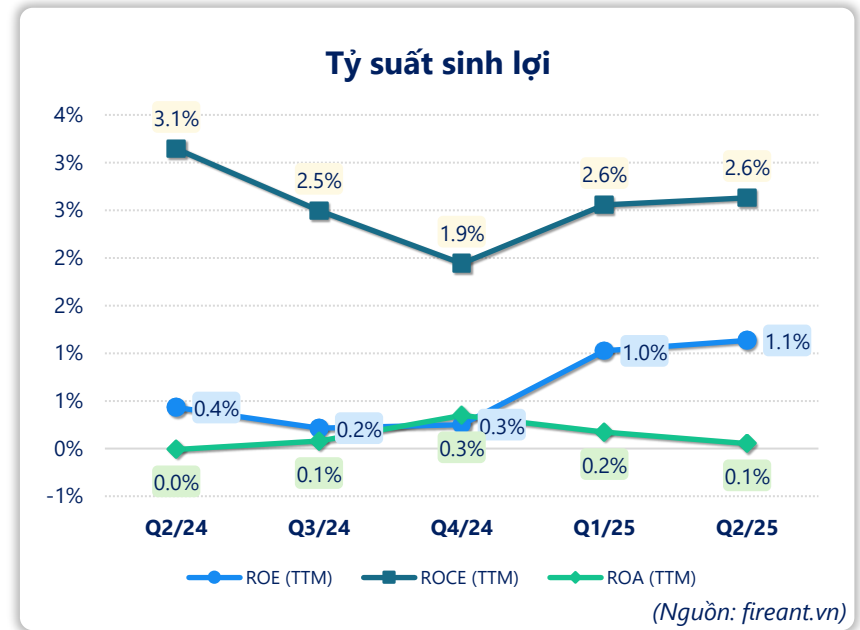
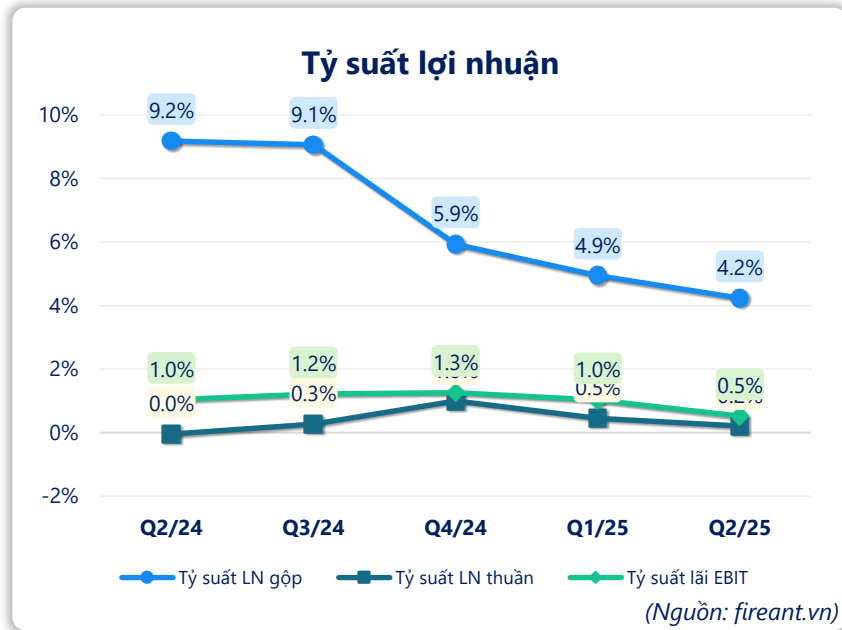
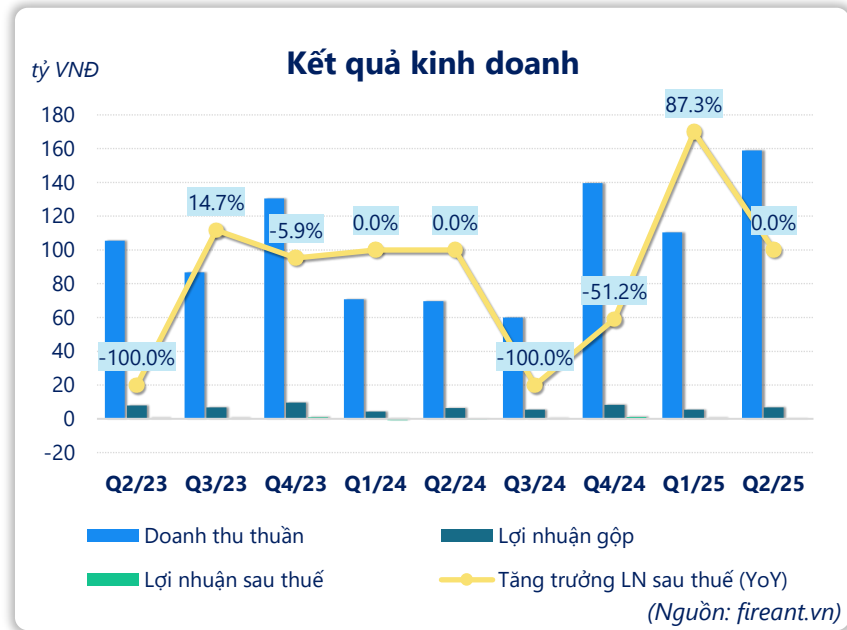
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)





CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	286	312	-8.2%
Tài sản ngắn hạn	279	303	-8.1%
Tiền và tương đương tiền	18.0	38.2	-52.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	7.00	7.00	0.0%
Phải thu ngắn hạn	145	156	-7.3%
Hàng tồn kho	108	101	6.9%
Tài sản ngắn hạn khác	0.40	0.34	19.5%
Tài sản dài hạn	7.49	8.49	-11.7%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	7.45	8.42	-11.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.04	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.01	0.06	-89.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	116	142	-18.1%
Nợ ngắn hạn	116	142	-18.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	50.4	33.5	50.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	53.0	102	-48.2%
Nợ dài hạn	0.03	0.03	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	170	169	0.2%
Vốn chủ sở hữu	170	169	0.2%
Vốn điều lệ	156	156	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	69.6	59.9	140	110	159
Giá vốn hàng bán	63.2	54.5	131	105	152
Lợi nhuận gộp	6.39	5.43	8.29	5.46	6.73
Doanh thu HĐTC	0.00	0.07	0.03	0.08	0.39
Chi phí TC	1.09	0.59	0.55	0.62	1.86
Chi phí lãi vay	0.75	0.51	0.37	0.47	0.62
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	2.12	2.54	3.47	2.23	1.38
Chi phí QLDN	3.22	2.21	2.91	2.19	3.54
LN thuần từ HĐKD	-0.03	0.16	1.39	0.50	0.33
Lợi nhuận khác	0.00	0.05	-0.01	0.16	-0.13
LN trước thuế	-0.03	0.21	1.39	0.66	0.21
Lợi nhuận sau thuế	-0.03	0.21	1.03	0.53	0.15
LNST của CĐ cty mẹ	-0.03	0.21	1.03	0.53	0.15

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	7.83	30.9	18.1	-14.5	-22.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.01	-1.01	-6.93	0	0.13
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-4.46	-29.4	8.79	6.12	10.4
Tiền đầu kỳ	14.4	17.7	18.2	38.2	29.8
Lưu chuyển tiền thuần	3.37	0.46	20.0	-8.37	-11.8
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0	0	0.00
Tiền cuối kỳ	17.7	18.2	38.2	29.8	18.0

(Nguồn: fireant.vn)